

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 235/2024/DS-GĐT

Ngày 22-8-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Xuân
bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Anh Quân – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.2. Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.3. Bà Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.4. Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh năm 2000;

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: 3 Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1940;

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: ông Mai Thanh N1, sinh năm 1989; Địa chỉ liên hệ: số nhà D Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

Trụ sở: Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Bé B – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh Văn X là cha của các nguyên đơn, là người quản lý, sử dụng đối với phần đất thuộc thửa số 261, 276 tờ bản đồ số 6, diện tích tổng cộng 1.409m², đất tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông X chết năm 2013, bà Huỳnh Thị B1 - vợ ông X đã chết trước đó vào năm 2008. Ông X và bà B1 có bốn người con là: Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Thị Kim P, Huỳnh Thị Kim Y, Huỳnh Thị Kim O. Phần đất trên được ông X quản lý, sử dụng, có tên trong Sổ mục kê tại xã Đ cho đến khi chết vào năm 2013 thì bà Huỳnh Thị N là chị ruột ông X đến trồng cỏ và ngăn cản không cho các nguyên đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất dẫn đến tranh chấp. Vụ việc đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ nhưng không thành.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hai thửa đất số 261, 276 tờ bản đồ số 6, qua đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m² theo Mảnh trích đo địa chính số 588-2019 của Công ty TNHH Đ1 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 27/6/2019 là di sản của ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị B1 cho chị C, chị P, chị Y và chị O được quyền quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N có yêu cầu phản tố trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 261, 276 nêu trên là của ông Nguyễn Văn L1, ông L1 là cậu ruột của bà N và ông X. Từ nhỏ, bà N sống chung với ông L1, do vợ chồng ông L1 không có con. Bà N và ông L1 cùng canh tác trên phần đất này. Đến năm 1970, ông L1 già yếu nên một mình bà N trồng lúa và đậu trên hai thửa đất nêu trên nhưng bà N và ông L1 không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất lần nào. Khi ông L1 chết, bà N là người trực tiếp thờ cúng ông L1, đồng thời tiếp tục quản lý và canh tác trên hai thửa đất trên mà không có ai tranh chấp. Sau này, khi Nhà nước có thông báo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N đăng ký sót các thửa đất số 791, 277, 296, 261 và 276, do bà N chỉ học tới lớp 1 và

không hiểu biết pháp luật. Đến năm 2015, bà N phát hiện sót các thửa trên nên làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do chị C ngăn cản nên bà N không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 261 và 276.

Bà Huỳnh Thị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D. Đồng thời, bà có yêu cầu phản tố là được công nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 261, 276 nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D do ông Mai Thanh N1 là người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu độc lập trình bày:

Bà D là con của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị S (trong giấy tờ ông L1 tên là ông Nguyễn Văn Đ). Cha mẹ của bà D đều đã chết. Hai thửa đất số 261, 276 là của ông Đ, khi ông Đ còn sống đã canh tác ổn định, không ai tranh chấp. Bà Huỳnh Thị N là cháu của ông Đ, ở chung với gia đình bà D cùng với cha của bà D quản lý, canh tác trên thửa đất này. Khi cha bà D chết, do bà N thờ cúng nên bà D để cho bà N tiếp tục sử dụng và giữ gìn đất giúp bà.

Bà D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông Đ chết thì bà là người thừa kế duy nhất của ông Đ. Do đó, bà D đề nghị Tòa án công nhận phần đất thuộc thửa đất số 261, 276 là di sản của ông Nguyễn Văn Đ để lại cho bà D vì các nguyên đơn và bị đơn cũng đều thừa nhận nguồn gốc đất trước đây là của cha bà D là ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp sản xuất.

Tại Văn bản số 10352/UBND-NC ngày 24/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến:

Hai thửa đất số 261, 276 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hay tổ chức nào. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013 thì Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp người đang sử dụng đất có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại các Điều 100, Điều 101, Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bà Huỳnh Thị N.

2. Công nhận 02 (hai) thửa đất số 261 và 276 từ bản đồ số 6, tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m², trong đó thửa đất số 261 có diện tích là 411,2m² và thửa số 276 có diện tích 889,1m², là thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị B1, gồm: Chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O.

3. Vị trí tứ cận các thửa đất số 261 và 276 nêu trên được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 588-2019 của Công ty TNHH Đ1 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 27/6/2019, được đính kèm theo bản án này.

4. Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị B1 là chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y, chị Huỳnh Thị Kim O và bà Huỳnh Thị N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 07/10/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 07/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2021/DS-PT ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị N.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng 02 (hai) thửa đất số 261 và 276 tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m², trong đó thửa đất số 261 có diện tích là 411,2m² và thửa số 276 có diện tích 889,1m² là thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị B1, gồm: Chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y và chị Huỳnh Thị Kim O về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng 02 (hai) thửa đất số 261 và 276 tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m², trong đó thửa đất số 261 có diện tích là 411,2m² và thửa số 276 có diện tích 889,1m² là thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị N.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Kim Y, chị Huỳnh Thị Kim O và bà Huỳnh Thị N.

Công nhận 02 (hai) thửa đất số 261 và 276 tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m², trong đó thửa đất số 261 có diện tích là 411,2m² và thửa số 276 có diện tích 889,1m², là thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị D.

Vị trí, tứ cận các thửa đất số 261 và 276 nêu trên được thể hiện theo Ảnh trích đo địa chính số 588-2019 của Công ty TNHH Đ1 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 27/6/2019, được đính kèm theo bản án này.

Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 09/3/2021, các nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim C, bà Huỳnh Thị Kim P, bà Huỳnh Thị Kim Y, bà Huỳnh Thị Kim O và ngày 08/4/2024, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Phạm Ngọc T có đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 21/2024/KN-DS ngày 14/5/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Phần đất tranh chấp là hai thửa đất số 261 và 276, tờ bản đồ số 06, có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng là 1.300,3m², tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Các đương sự xác định hiện nay trên đất có cỏ tự mọc, do tranh chấp nên không ai quản lý sử dụng, không có công trình và tài sản gì trên đất.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hai thửa đất số 261 và 276, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.300,3m² nêu trên là di sản của ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị B1 (là cha mẹ các nguyên đơn) cho các nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng; Bị đơn bà Huỳnh Thị N có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận hai thửa đất số 261 và 276 nêu trên cho bà N vì nguồn gốc đất là của ông

Nguyễn Văn L1 (là cậu ruột của bà) để lại cho bà N canh tác, sử dụng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận hai thửa đất số 261 và 276 nêu trên là di sản của ông Nguyễn Văn L1 (là cha của bà D) để lại cho bà D.

[2]. Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Các đương sự thừa nhận trước năm 1975, hai thửa đất nêu trên do ông Ba L2 có sử dụng một thời gian. Tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 232), bà D là con của ông Ba L2 xác định là khoảng năm 1980, ông Ba L2 và gia đình đã chuyển đến huyện Đ sinh sống cùng với bà D và canh tác đất, làm thuê tại huyện Đ từ thời điểm đó đến khoảng năm 1992 thì về sống tại nhà của bà N và chết vào khoảng năm 1995. Ông X lấy đất canh tác cho đến khi ông X chết năm 2013, bà N lấy đất để trồng cỏ nuôi bò thì xảy ra tranh chấp đến nay. Do đó, việc phía bà D cho rằng thửa đất số 261 và 276 thực tế do ông Ba L2 quản lý, sử dụng trực tiếp liên tục từ trước đến khi ông Ba L2 chết là không có căn cứ.

Bà Huỳnh Thị N cho rằng khi ông Ba L2 chết thì bà N thờ cúng nên để lại 02 phần đất nêu trên cho bà sử dụng cho đến nay cũng là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Đ đối với bà Trần Thị Á (bút lục 135, 136) thì bà Á xác định: “Bà Á sống theo quê chồng tại ấp N, xã Đ, huyện Đ từ năm 1975 cho đến nay. Sau khi ông Ba L2 chết, ông Huỳnh Văn X là người trực tiếp canh tác tía đậu và trồng lúa. Sau này, ông X mướm đất, ban bờ ruộng để bán lớp đất mặt và cho đến khi ông X chết, bà N mới giữ cỏ cho bò ăn”. Trình bày của bà Á phù hợp với lời khai của ông Võ Văn S1 (bút lục 203) là người mua phần đất gò của ông X kêu bán vào khoảng năm 2008, năm 2009, sự việc ông X bán đất thì bà N cũng thừa nhận, không có tranh chấp gì. Tại Văn bản số 676/CV-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ (bút lục 139) xác định: “Thửa đất số 261 và 276 theo Sổ mục kê do ông Huỳnh Văn X là người kê khai, đứng tên vào năm 2001, quản lý, sử dụng cho đến khi ông X chết vào năm 2013 và sau đó bà Huỳnh Thị N lấy đất trồng cỏ nên xảy ra tranh chấp cho đến nay”.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 27/7/2018 (bút lục 96), bà N cũng thừa nhận 02 thửa đất số 261 và 276 là của ông Ba L2 cho ông X canh tác cho đến khi ông Ba L2 chết; bà N là người thờ cúng ông Ba L2, bà N cho rằng hai thửa đất nêu trên là của thân tộc, bà N không đồng ý để cho các con của ông X đăng ký quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên.

[3]. Về quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất: Tại Sổ mục kê quyền số 01 ngày 14/12/2001 (bút lục 129, 130) thể hiện việc lập hồ sơ hiện trạng thửa đất, tên người đăng ký kê khai 02 thửa đất số 261 và 276 do ông X kê khai với diện tích tổng cộng là 1.409m², loại đất lúa. Tại thời điểm này, bà Huỳnh Thị N cũng có đăng ký các thửa đất của bà N trong Sổ mục kê này, trong đó có thửa 260 liền kề với thửa 261 mà ông X kê khai. Cả hai thửa 261 và 276 đều có vị trí đối diện với thửa đất có nhà mà bà N ở từ trước cho đến nay. Ông Ba L2 sử dụng đất từ trước năm 1975 đến 1980 rồi sau đó không tiếp tục quản lý, sử dụng liên tục, đồng thời cũng không đăng ký kê khai để xin cấp quyền sử dụng đất.

[4]. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định ông X là người quản lý, sử

dụng trực tiếp 02 thửa đất số 261 và 276 ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không bị cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai xử phạt vi phạm trong lĩnh vực đất đai đối với 02 thửa đất nêu trên. Ông X cũng là người đứng tên kê khai 02 thửa đất này trên Sổ mục kê từ năm 2001. Căn cứ vào khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ; Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D là không phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2024/KN-DS ngày 14/5/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2021/DS-PT ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim C, bà Huỳnh Thị Kim P, bà Huỳnh Thị Kim Y, bà Huỳnh Thị Kim O với bị đơn là bà Huỳnh Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.LTHS, P.GĐKT2, HS, THS (AQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên

ỦY BAN THẨM PHÁN
Các Thẩm phán Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Xuân Huỳnh Thanh D1

Phạm Thị D2